

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán/Ủy nhiệm chi số: GR-102

ngày 02 tháng 11 năm 2022)

Tài khoản dự toán: ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: TRƯỜNG TIỂU HỌC LẠC LONG QUÂN

2. Mã đơn vị: 1064778

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á: 002342940002 tại Ngân hàng Đông Á - CN Tân Bình, PGD Lý Thường Kiệt

I. Nội dung đề nghị thanh toán: Chi lương, phụ cấp tháng 11/2022 và truy lãnh từ tháng 08 đến tháng 10/2022 cho các CB-GV-NV :

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:			Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp có tính trừ BH	PCƯĐ	Tiền khoán	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(9) (9.1)	(10)	(12)
Tổng số				220.866.822	163.788.479	55.578.343	1.500.000	
I.	Đối với công chức, viên chức			220.866.822	163.788.479	55.578.343	1.500.000	
1	PHẠM HUY TUÂN	0102573940	Ngân hàng Đông Á	10.241.188	7.331.858	2.409.330	500.000	
2	PHẠM THỊ NGỌC SƯƠNG	0102600809	Ngân hàng Đông Á	12.564.128	9.206.829	2.857.299	500.000	
3	VŨ QUANG THÔNG	0102568530	Ngân hàng Đông Á	13.174.595	10.265.668	2.908.927		
4	ĐINH THỊ THU DUNG	0102568312	Ngân hàng Đông Á	12.653.178	9.744.251	2.908.927		
5	TRẦN CÔNG DANH	0102568338	Ngân hàng Đông Á	12.397.233	9.644.234	2.752.999		
6	TRỊNH VIỆT LỤC	0102404642	Ngân hàng Đông Á	12.017.908	9.238.834	2.779.074		
7	PHẠM TRẦN TUÂN	0102568284	Ngân hàng Đông Á	11.931.086	9.204.162	2.726.924		
8	NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH	0102404672	Ngân hàng Đông Á	11.163.795	8.566.725	2.597.070		
9	NGUYỄN THỊ MỸ TIÊN	0102568294	Ngân hàng Đông Á	10.114.225	7.689.250	2.424.975		
10	LÂM TÍCH VIÊN	0102404661	Ngân hàng Đông Á	10.114.225	7.689.250	2.424.975		
11	NGUYỄN THỊ NỮ HOÀNG	0102568296	Ngân hàng Đông Á	10.485.235	7.955.960	2.529.275		
12	NGUYỄN THỊ TUYẾT HOA	0102404666	Ngân hàng Đông Á	9.990.203	7.565.228	2.424.975		
13	NGUYỄN THỤY VI	0101981154	Ngân hàng Đông Á	11.811.450	8.937.985	2.873.465		
14	TRẦN TUYẾT HOA	0102568287	Ngân hàng Đông Á	9.223.880	6.971.000	2.252.880		
15	PHẠM HOÀNG MINH HIẾN	0102973858	Ngân hàng Đông Á	8.828.564	6.643.479	2.185.085		
16	NGUYỄN NGỌC KHOÁT	0102942852	Ngân hàng Đông Á	7.569.877	5.661.187	1.908.690		
17	TRẦN HỮU HOÀNG	0102404669	Ngân hàng Đông Á	11.937.985	9.209.497	2.728.488		
18	TRẦN THỊ MỸ HẠNH	0101083248	Ngân hàng Đông Á	6.460.687	4.776.242	1.684.445		
19	TRƯƠNG NGỌC TRÂM	0107642270	Ngân hàng Đông Á	4.313.953	3.813.953	-	500.000	
20	THỜI THỊ CẨM HUYỀN	0109809770	Ngân hàng Đông Á	3.450.393	2.480.403	969.990		

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:			Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp có tính trừ BH	PCƯĐ	Tiền khoán	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(9)	(10)	(12)
						(9.1)		
21	PHAN THỊ VÂN THẢO	0111240544	Ngân hàng Đông Á	3.450.393	2.480.403	969.990		
22	HÀ BÍCH HỒNG	0107887443	Ngân hàng Đông Á	2.480.403	2.480.403	-		
23	NGUYỄN NHẬT HOÀNG BÍCH	0111482024	Ngân hàng Đông Á	14.492.238	6.231.678	8.260.560		
II.	Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 161/2018/NĐ-CP			-	-	-		-
III.	Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng			-	-	-		-

Tổng số tiền bằng chữ: Hai trăm hai mươi triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi hai đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

Tăng so với tháng trước số tiền là: **11.147.097đ** do có truy lãnh lương của CB-GV-NV từ tháng 08 đến nay.

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Nguyệt Hằng

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trương Thị Nguyệt Hằng

Ngày...02...tháng...11...năm 2022

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Phạm Huy Tuân

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên

Ngày.....tháng.....năm.....

Giám đốc KBNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng được ủy quyền/Giám đốc KBNN quận, huyện